TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 06 năm 2023
(*V/v không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HƯNG YÊN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Tuấn và ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tiến Đạt - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1977; HKTT: Số 116 Trương Định, tổ 15, phường T1, quận H, Hà Nội; nơi ở: Thôn Đ, xã H1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn T2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Hoàng Thanh T3, sinh ngày 03/02/2013 và cháu Hoàng Đức A, sinh ngày 16/01/2015, đều có hộ khẩu thường trú: Thôn T2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của cháu T3 và cháu Đức A là: Anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1977; HKTT: Số 116 Trương Định, tổ 15, phường T1, quận H, Hà Nội; nơi ở: Thôn Đ, xã H1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên và chị Đỗ Thị L, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn T2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Những người làm chứng: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1942, trú tại: Thôn Đ, xã H1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; ông Hoàng Văn T4, sinh năm 1942, HKTT: Tổ dân phố 1A, phường X, quận S, thành phố Hải Phòng; ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1962, trú tại: Thôn T2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Hoàng Xuân T và chị Đỗ Thị L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, nhưng không đăng ký kết hôn. Anh T và chị L chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ cuối năm 2019 đến nay chị L về nhà bố mẹ đẻ sống, trong thời gian ly thân anh T và chị L không quan tâm gì đến nhau, cuộc sống của ai chỉ biết người đó. Nay, anh T xác định anh và chị L không còn tình cảm gì với nhau, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị L là vợ chồng, chị L cũng nhất trí.

Về con chung: Anh T và chị L có 02 con chung là cháu Hoàng Thanh T3, sinh ngày 03/02/2013 và cháu Hoàng Đức A, sinh ngày 16/01/2015. Hiện cháu T3 đang ở cùng với anh T, cháu Đức A đang ở cùng chị L. Anh T và chị L đề nghị Toà án giao cháu T3 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đức A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về công nợ, tài sản chung: Anh và chị L không có nợ chung, không có tài sản chung, anh không đề nghị giải quyết về phần tài sản.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị M, ông Hoàng Văn T4 và ông Đỗ Xuân C, bà Nguyễn Thị H2 (bố mẹ đẻ của anh T và chị L) trình bày: Việc chung sống, mâu thuẫn, ly thân, con chung của anh T và chị L như anh T, chị L trình bày là đúng, anh T và chị L không đi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống anh T và chị L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi, chửi nhau. Gia đình hai bên đã hoà giải nhưng anh chị kiên quyết không chung sống với nhau nữa và đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của vợ chồng anh T, chị L.

Quan điểm của Viện kiểm sát: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Xuân T khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa anh và chị L, chị L có hộ khẩu và nơi cứ trú tại huyện Y, tỉnh Hưng Yên, nên căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Xuân T và chị Đỗ Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 đến năm 2019, đến thời điểm xét xử sơ thẩm anh T và chị L vẫn không đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016, của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì khi giải quyết Tòa án tuyên không công nhận là vợ chồng. Do đó yêu cầu của anh T là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh T và chị L có 02 con chung là cháu Hoàng Thanh T3, sinh ngày 03/02/2013 và cháu Hoàng Đức A, sinh ngày 16/01/2015. Hiện cháu T3 đang ở cùng với anh, cháu Đức A đang ở cùng chị L. Nguyện vọng của cháu T3 muốn ở với bố, nguyện vọng của cháu Đức A muốn ở với mẹ. Anh T và chị L đều đề nghị Toà án giao cháu Đức A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T3 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét, đề nghị của các được sự, nguyện vọng của hai con chung và đề ổn định cuộc sống của các con. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về công nợ, tài sản: Anh T và chị L không có nợ chung, không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết về phần tài sản.

[5] Về án phí: Anh Hoàng Xuân T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, bộ tư pháp hướng dẫn áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Hoàng Xuân T và chị Đỗ Thị L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho anh Hoàng Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thanh T3, sinh ngày 03/02/2013; giao cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Đức A, sinh ngày 16/01/2015 đến khi các con đủ 18 tuổi. Các bên có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật. Nếu các bên lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về công nợ, tài sản: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Hoàng Xuân T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009467 ngày 28/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Y;
- THA huyện Y;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Thu Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Nhiên